

**KHẢO SÁT KIẾN THỨC PHÒNG NGỪA TỔN THƯƠNG DO  
VẬT SẮC NHỌN Y TẾ VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở SINH VIÊN  
ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2020**

*Nguyễn Thị Mỹ Phương\*, Lê Tuyết Ngân, Hà Lâm Nhã Phương  
Phạm Tiêu Đan, Phạm Thị Bé Kiều  
Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*

*\*Email: 1853050061@student.ctump.edu.vn*

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Kết quả khảo sát của nhiều nghiên cứu cho thấy tỷ lệ tổn thương do vật sắc nhọn ở sinh viên điều dưỡng còn cao, để lại nhiều hậu quả. Do đó đánh giá về kiến thức dự phòng tổn thương do vật sắc nhọn ở sinh viên điều dưỡng để có biện pháp nhằm giảm tình trạng tổn thương do vật sắc nhọn ở sinh viên điều dưỡng là quan trọng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ sinh viên Điều dưỡng có kiến thức đúng về dự phòng tổn thương do vật sắc nhọn và tìm hiểu một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 111 sinh viên điều dưỡng khóa 43 và khóa 44 của trường Đại học Y Dược Cần Thơ từ tháng 11/2020 đến tháng 03/2021. Số liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi tự điền. Kết quả được phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. **Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về dự phòng tổn thương do vật sắc nhọn là 69,4 % với điểm trung bình là 33,33 điểm (SD=5,03). Sinh viên nam, sinh viên năm 4, chưa từng bị tổn thương do vật sắc nhọn và có điểm tích lũy mức khá giỏi có kiến thức đúng về dự phòng tổn thương do VSN cao hơn; nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với nhóm còn lại ( $p>0,05$ ). **Kết luận:** Tỷ lệ sinh viên điều dưỡng có kiến thức đúng dự phòng tổn thương do vật sắc nhọn còn hạn chế, đặc biệt là kiến thức về xử lý sau tổn thương.

**Từ khóa:** Tổn thương do vật sắc nhọn, sinh viên điều dưỡng.

**ABSTRACT**

**SURVEY OF KNOWLEDGE AND FACTORS RELATED TO PREVENTION  
OF SHARP INJURY AMONG NURSING STUDENT AT CAN THO  
UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2020**

*Nguyen Thi My Phuong, Le Tuyet Ngan, Ha Lam Nha Phuong  
Pham Tieu Dan, Pham Thi Be Kieu  
Can Tho University of Medicine and Pharmacy*

**Background:** The prevalence of needle sticks and sharp injuries in previous studies among nursing students is quite high and has serious consequences. Therefore, study about knowledge and factors related to the prevention of sharps injury among nursing students is necessary to suggest suitable solutions to prevent and reduce sharps injuries for nursing students. **Objectives:** (1)

Determine the proportion of nursing students who have the correct knowledge on prevention of injuries caused by medical sharp objects of nursing students and (2) find out factors related to the knowledge on prevention of injuries caused by medical sharp objects of nursing student. **Materials and methods:** This is a descriptive cross-sectional study from November 2020 to March 2021. Participants were 111 third and final-year nursing students at Can Tho University of Medicine and Pharmacy, who agreed to participate in the study. Data were collected by a questionnaire and analyzed by SPSS 20.0 software. **Results:** 69.4 percent of students have the correct knowledge about preventing sharp injury with an average score of 33.33 (SD=5.03). Male students, final-year students, students who no experience with sharp injuries, students with a cumulative GPA of good and fairly respectively had knowledge better than female, third-year nursing students, students with sharp injuries experiences and students with a cumulative GPA of the medium; however, the difference is not statistically significant ( $p>0.05$ ). **Conclusion:** The correct knowledge of nursing students about the prevention of sharp injuries is not good, especially treatment knowledge after sharp injury.

**Keywords:** Injuries caused by sharp objects, nursing students.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tổn thương do vật sắc nhọn (VSN) bao gồm tất cả tổn thương xâm lấn da hoặc qua da như trầy xước da, xuyên da kín, rách da có chảy máu, rách da không chảy máu do kim tiêm, dao mổ hoặc VSN khác bao gồm kim tiêm đầu kim truyền dịch dao mổ thủy tinh vỡ ống mao dẫn bị vỡ và đầu dây nẹp nha khoa bị phơi nhiễm có thể dẫn đến tiếp xúc với máu hoặc chất dịch cơ thể khác [2]. Tổn thương do VSN thường xảy ra ở NVYT, trong đó điều dưỡng là đối tượng bị tổn thương nhiều nhất [5], [10]. Sinh viên điều dưỡng thiếu kiến thức và kỹ năng hơn so với các điều dưỡng viên nên nguy cơ gặp phải các tổn thương do vật sắc nhọn (VSN) lại càng đáng quan tâm hơn. Tỷ lệ sinh viên điều dưỡng bị tổn thương do VSN theo kết quả nghiên cứu của Hani A Nawafleh (2018) là 66,67% [8]. Tại Việt Nam, tỷ lệ sinh viên điều dưỡng từng bị tổn thương do VSN cũng tương đương. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Thơ (2015) là 60% và nghiên cứu của My Thị Hải (2016) là 68,9% [4], [6]. Theo kết quả nghiên cứu của Ya Hui Yang (2004) ở Đài Loan cho thấy tần suất tổn thương do VSN xảy ra ở sinh viên điều dưỡng so với nhân viên điều dưỡng là 4,9/1,2 [12]. Có hơn 20 bệnh truyền nhiễm có thể lây truyền qua các tổn thương do VSN, trong đó nguy hiểm nhất là phơi nhiễm viêm gan B, viêm gan C và HIV [9]. Ước tính lần lượt có khoảng 16.000, 66.000 và 1.000 trường hợp nhiễm viêm gan B, viêm gan C và HIV hàng năm liên quan đến tổn thương do VSN dẫn đến khoảng 1.100 ca tử vong hoặc tàn tật nghiêm trọng [7]. Tuy nhiên, kết quả của một số nghiên cứu cho thấy kiến thức của sinh viên điều dưỡng về tổn thương do VSN và phòng ngừa vẫn còn hạn chế, chỉ ở mức trung bình [1], [3]. Ngoài ra, tại thành phố Cần Thơ vẫn chưa có nghiên cứu về kiến thức của sinh viên Điều dưỡng về tổn thương do vật sắc nhọn và phòng ngừa. Thấy được tầm quan trọng của việc phòng ngừa những tổn thương do vật sắc nhọn y tế gây ra đối với sinh viên Điều dưỡng đang thực tập lâm sàng tại bệnh viện, làm minh chứng cho các nghiên cứu sau nên chúng tôi tiến hành thực hiện nghiên cứu này nhằm:

1. Xác định tỷ lệ sinh viên Điều dưỡng có kiến thức đúng về phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn y tế.
2. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến kiến thức phòng ngừa tổn thương do vật sắc nhọn y tế.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu tiến hành trên sinh viên ngành Điều dưỡng hệ chính quy năm thứ 3 và thứ 4 đang học tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ tháng 11/2020 đến tháng 03/2021.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Chọn mẫu toàn bộ sinh viên điều dưỡng thỏa các tiêu chí chọn mẫu gồm: (1) Sinh viên ngành Điều dưỡng hệ chính quy năm thứ 3 và thứ 4, (2) đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Gồm sinh viên không có mặt tại trường trong thời gian nghiên cứu (tạm nghỉ học, trao đổi sinh viên ngoài trường). Thực tế nghiên cứu của chúng tôi đã khảo sát trên 111 sinh viên điều dưỡng thỏa các tiêu chuẩn trên.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu quan sát mô tả và quan sát phân tích.

- **Cỡ mẫu:**

Cỡ mẫu được ước tính theo công thức một tỷ lệ:

$$n = \frac{Z^2 \cdot p \cdot (1 - p)}{d^2}$$

Trong đó: Chọn  $p=0,621$  theo kết quả nghiên cứu của nghiên cứu về “Kiến thức, thái độ về phòng và xử trí phơi nhiễm với VSN trong tiềm truyền của sinh viên Điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm 2018” của Nguyễn Thị Hà năm 2018. Chọn  $d=0,1$ . Cộng thêm 15% dự trừ mất mẫu, mẫu không hợp lệ và làm tròn thì cỡ mẫu cần có là 110. Thực tế nghiên cứu đã lấy được 111 mẫu.

- **Phương pháp chọn mẫu**

Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn.

Đầu tiên lập danh sách toàn bộ sinh viên lớp Điều dưỡng khóa 43 và khóa 44, tổng sinh viên hai lớp là 158 sinh viên. Tiến hành đánh số thứ tự từng sinh viên trên danh sách từ 1 đến 158 và bốc thăm ngẫu nhiên để chọn ra 110 sinh viên theo cỡ mẫu đã tính. Thực tế, nghiên cứu đã lấy được 111 mẫu.

- **Nội dung nghiên cứu**

+ Thông tin cá nhân của đối tượng nghiên cứu bao gồm tuổi, giới tính, dân tộc, khóa học, học lực, tiền sử tổn thương do VSN, nguồn kiến thức về tổn thương do VSN.

+ Kiến thức về phòng ngừa tổn thương do VSN gồm hai mức đúng và chưa đúng. Tổng điểm của bộ câu hỏi là 43 điểm, đánh giá sinh viên có kiến thức đúng khi trả lời đúng  $\geq 70\%$  (đạt từ 30,1 điểm trở lên) và chưa đúng khi trả lời đúng  $< 70\%$  (dưới 30,1 điểm). Ngoài ra trong nghiên cứu này, chúng tôi cũng đánh giá chi tiết 3 phần kiến thức nhỏ gồm (1) kiến thức chung về tổn thương do VSN (đúng khi đạt  $\geq 19,6$  điểm và chưa đúng khi đạt  $< 19,6$  điểm), (2) kiến thức về dự phòng tổn thương do VSN (đúng khi đạt  $\geq 7,0$  điểm và chưa đúng khi đạt  $< 7,0$  điểm) và (3) kiến thức xử lý sau khi bị tổn thương do VSN (đúng khi đạt  $\geq 3,5$  điểm và chưa đúng khi đạt  $< 3,5$  điểm).

+ Xác định mối liên quan giữa kiến thức đúng với đặc điểm của đối tượng nghiên cứu gồm giới tính, khóa học, học lực và tiền sử tổn thương do VSN.

- **Phương pháp thu thập số liệu**

Chia ngẫu nhiên đối tượng nghiên cứu thành 4 nhóm nhỏ, từng sinh viên tự điền bộ câu hỏi.

- **Phương pháp xử lý số liệu**

Xử lý số liệu bằng bằng mềm SPSS 20.0. Sử dụng thống kê mô tả để mô tả đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu. Sử dụng kiểm định  $\chi^2$ , OR để khảo sát mối liên quan giữa kiến thức phòng ngừa tổn thương do VSN với giới tính, khóa học, tiền sử tổn thương do VSN và học lực.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Tổng số sinh viên tham gia vào nghiên cứu là 111 sinh viên, trong đó có 55% là sinh viên khóa 44 và 45% là sinh viên khóa 43 với độ tuổi trung bình là  $21,14 \pm 1,017$ . Đa số sinh viên là dân tộc Kinh chiếm 97%. Có 82 sinh viên có học lực loại khá chiếm 73,9%; 27 sinh viên học lực trung bình chiếm 24,3% và có 2 sinh viên học lực giỏi chiếm tỷ lệ 1,8%. Tỷ lệ sinh viên từng bị tổn thương do VSN trong vòng 6 tháng chiếm tỷ lệ 51,4%. Trong đó, số lần bị tổn thương do VSN nhiều nhất là 6 lần, số lần tổn thương do VSN trung bình là  $1,25 \pm 1,604$  lần.

Có 100% sinh viên tham gia nghiên cứu đều đã từng biết về tổn thương do VSN và dự phòng tổn thương do VSN. Trong đó 100% đã được học trên lý thuyết hoặc lâm sàng; 46,8% tự tìm hiểu thêm qua sách, báo, internet.

#### 3.2. Tỷ lệ sinh viên điều dưỡng có kiến thức đúng về phòng ngừa tổn thương do VSN y tế

Bảng 1. Mô tả kiến thức về phòng ngừa tổn thương do VSN (n=111)

Nội dung	Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)	Điểm trung bình	Điểm nhỏ nhất	Điểm lớn nhất
Kiến thức tổng về phòng ngừa tổn thương do VSN	77 (69,4%)	34 (30,6%)	$33,33 \pm 5,03$	17	41
Kiến thức chung về tổn thương do VSN	90 (81,1%)	21 (18,9%)	$22,30 \pm 3,66$	10	28
Kiến thức về dự phòng tổn thương do VSN	100 (90,1%)	11 (9,9%)	$8,25 \pm 1,43$	3	10
Kiến thức về xử lý sau khi bị tổn thương do VSN	38 (34,2%)	73 (65,8%)	$2,78 \pm 1,12$	1	5

Nhận xét: Có 69,4% sinh viên được khảo sát có kiến thức tổng đúng về phòng ngừa tổn thương do VSN với điểm trung bình của sinh viên được khảo sát là 33,33 điểm (SD=5,03). Trong đó, sinh viên có kiến thức đúng về phần dự phòng tổn thương do VSN tốt nhất chiếm 90,1%, kiến thức đúng về phần xử lý sau khi bị tổn thương do VSN là thấp nhất (chỉ chiếm 34,2%).

#### 3.3. Các yếu tố liên quan đến kiến thức phòng ngừa tổn thương do VSN gây ra của sinh viên Điều dưỡng

Bảng 2. Các yếu tố liên quan đến kiến thức phòng ngừa tổn thương do VSN (n=111)

Nội dung		Kiến thức		OR (CI 95%)	$\chi^2$ p
		Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)		
Giới tính	Nam	14 (87,5%)	2 (12,5%)	0,281 (0,06-1,314)	$\chi^2=2,892$ p=0,089
	Nữ	63 (66,3%)	32 (33,7%)		
Khóa học	Khóa 43	38 (76%)	12 (23,5%)	0,56 (0,243-1,288)	$\chi^2=1,883$ p=0,17
	Khóa 44	39 (63,9%)	22 (36,7%)		
Tiền sử tổn thương	Có	36 (63,2%)	21 (36,8%)	0,544	$\chi^2=2,128$

Nội dung		Kiến thức		OR (CI 95%)	$\chi^2$ p
		Đúng n (%)	Chưa đúng n (%)		
do VSN	Không	41 (75,9%)	13 (24,1%)	(0,238-1,239)	p=0,145
Xếp loại điểm tích lũy	Giỏi - Khá	61 (72,6%)	23 (27,4%)	0,548 (0,222-1,356)	$\chi^2=1,17$ p=0,19
	Trung bình	16 (59,3%)	11 (40,7%)		

Nhận xét: Không có mối liên quan giữa giới tính, khóa học, tiền sử tổn thương do VSN và xếp loại điểm tích lũy với kiến thức phòng ngừa tổn thương do VSN của sinh viên Điều dưỡng ( $p > 0,5$ ). Cụ thể: Sinh viên nam hiểu biết đúng là 87,5%, sinh viên nữ hiểu biết đúng là 66,3%; sinh viên khóa 43 có kiến thức đúng là 76%, sinh viên khóa 44 có hiểu biết đúng là 63,9%; sinh viên chưa từng bị tổn thương do VSN có kiến thức đúng là 75,9% so với sinh viên có tiền sử tổn thương do VSN là 63,2%; sinh viên có điểm trung bình tích lũy ở mức Giỏi - Khá có kiến thức đúng về tổn thương do VSN là 72,6%, sinh viên có điểm tích lũy trung bình là 59,3%.

#### IV. BÀN LUẬN

##### 4.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Tổng số sinh viên tham gia vào nghiên cứu là 111 sinh viên, trong đó có 55% là sinh viên khóa 44 và 45% là sinh viên khóa 43. Tương ứng với khóa học, đối tượng nghiên cứu của chúng tôi có tuổi trung bình  $21,14 \pm 1,017$ . Các kết quả này tương ứng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Thơ (2015) có 43% sinh viên năm 3 và 57% sinh viên năm 4 với độ tuổi từ 21-22 tuổi [6]. Đa số sinh viên trong nghiên cứu là nữ chiếm 85,6%, sinh viên nam chỉ chiếm 14,4%; 73,4% đối tượng tham gia nghiên cứu là dân tộc Kinh. Sinh viên tham gia nghiên cứu có điểm trung bình tích lũy loại khá là nhiều nhất chiếm 73,9%, loại trung bình chiếm 24,3%, loại giỏi chỉ chiếm 1,8%. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Thơ (2015) tỷ lệ sinh viên xếp loại khá, trung bình, giỏi lần lượt là 82,7%, 14,2%, 3,1% [6]. Có 100% sinh viên tham gia nghiên cứu đã từng biết về tổn thương do VSN và dự phòng tổn thương do VSN. Trong đó 100% đã được học trên lý thuyết hoặc lâm sàng; 46,8% tự tìm hiểu thêm qua sách, báo, internet. Trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Hà (2019), có 96,8% sinh viên được hướng dẫn học, đọc những kiến thức về phòng ngừa và 96,6% được hướng dẫn học, đọc những kiến thức về xử trí phơi nhiễm với tỷ lệ lần lượt là 96,8%, 96,6% [3]. Tỷ lệ sinh viên đã từng bị tổn thương do VSN trong vòng 6 tháng gần nhất là 51,4%, với số lần tổn thương trung bình là  $1,25 \pm 1,604$  lần, số lần tổn thương nhiều nhất là 6 lần. Kết quả này thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Thơ (2015) với tỷ lệ là 60% bị tổn thương do VSN trong vòng 6 tháng [6]. Tuy nhiên, đây là một kết quả đáng lo ngại, cho thấy sự cần thiết của việc tìm phương pháp can thiệp vấn đề này.

##### 4.2. Kiến thức đúng về phòng ngừa tổn thương do VSN y tế

Qua khảo sát 111 sinh viên Điều dưỡng tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ, chúng tôi ghi nhận có 69,4% sinh viên có kiến thức đúng về tổn thương do VSN với điểm trung bình là  $33,33 \pm 5,03$  (Bảng 1). Kết quả này cao hơn trong nghiên cứu của Nguyễn Phương Anh và cộng sự (2020) về “Thực trạng kiến thức dự phòng về tổn thương do VSN của sinh viên trường Đại học Điều dưỡng Nam Định” là 59,7% [1]. Thấp hơn nghiên cứu của Mohammad Suliman và cộng sự (2018) với tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng là 79% [11]. Tuy nhiên bộ công cụ của nghiên cứu trên không liên quan nhiều đến kiến thức xử trí sau khi tổn thương do VSN, trong khi nghiên cứu của chúng tôi sinh viên có kiến thức rất tốt về

tôn thương do VSN và các biện pháp dự phòng nhưng kiến thức đúng về xử trí sau khi bị tổn thương do VSN lại thấp. Cụ thể, có 81,1% sinh viên có kiến thức đúng về tổn thương do VSN; 90,1% sinh viên có kiến thức đúng về dự phòng tổn thương do VSN nhưng chỉ có 34,2% sinh viên có kiến thức đúng về xử trí sau khi bị tổn thương do VSN. Tương tự, do sự khác biệt về công cụ nghiên cứu nên kết quả trong nghiên cứu của chúng tôi tương đối cao hơn so với với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hà (2019) về kiến thức thái độ về phòng và xử trí phơi nhiễm với VSN trong tiêm truyền của sinh viên điều dưỡng trường cao đẳng y tế Hà Nội với 62,1% có kiến thức đạt về phòng và xử trí phơi nhiễm với VSN [3]. Qua đó cho thấy sinh viên Điều dưỡng vẫn còn thiếu kiến thức phòng ngừa tổn thương do VSN, đặc biệt là về xử trí sau khi bị tổn thương do VSN.

### 4.3. Các yếu tố liên quan đến dự phòng tổn thương VSN y tế

Bảng 2 cho thấy các yếu tố liên quan đến kiến thức dự phòng tổn thương do VSN với giới tính, khóa học, tiền sử tổn thương do VSN và xếp loại học lực. Tuy nhiên, nghiên cứu chưa ghi nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê đối với tất cả các yếu tố liên quan được khảo sát. Kết quả này do cỡ mẫu nghiên cứu của chúng tôi còn nhỏ, chưa bao quát được tổng số sinh viên điều dưỡng của trường (nghiên cứu khảo sát được 70,25% trên tổng số 158 sinh viên Điều dưỡng khóa 44 và khóa 43). Do đó, cần có những nghiên cứu tiếp theo được thực hiện trên cỡ mẫu lớn hơn để ghi nhận các yếu tố khác biệt có ý nghĩa thống kê đối với kiến thức phòng ngừa tổn thương do VSN để đề xuất các biện pháp phù hợp nhất để nâng cao kiến thức của sinh viên về phòng ngừa tổn thương do VSN.

Về giới tính, nghiên cứu của chúng tôi ghi nhận sinh viên nam có kiến thức đúng về phòng ngừa tổn thương do VSN gây ra là 87,5%, trong khi sinh viên nữ có kiến thức đúng 66,3% ( $p=0,089$ ). Kết quả này giống với nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Thơ (2020) có tỷ lệ sinh viên nam có kiến thức đúng là 82,6% cao hơn sinh viên nữ, nhưng khác biệt hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hà (2019), nữ có kiến thức đúng nhiều hơn nam, tuy nhiên sự khác biệt là không đáng kể giữa 2 giới (62,1%/61,9%) [3], [6].

Về năm học, sinh viên năm thứ 4 và năm thứ 3 có kiến thức đúng về phòng ngừa tổn thương do VSN gây ra lần lượt là 76% và 63,9% ( $p=0,17$ ). Điều này là phù hợp do sinh viên năm thứ 4 có kinh nghiệm hơn, thời gian học lý thuyết và thực hành nhiều hơn nên tỷ lệ có kiến thức đúng cao hơn. Kết quả này giống với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hà (2019), Mohammat Suliman (2018) chỉ ra rằng sinh viên năm cuối, năm thứ 4 có kiến thức tốt hơn về phòng ngừa tổn thương do VSN [3], [11]. Bảng 2 còn cho thấy tỷ lệ sinh viên chưa từng bị tổn thương do VSN có kiến thức đúng về tổn thương do VSN là 75,9% so với có tiền sử tổn thương do VSN là 63,2%. Tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ( $p=0,145$ ). Do đó, để có sự đánh giá chính xác hơn về sự liên quan giữa kiến thức và tình trạng tổn thương do VSN chúng tôi đề xuất có những nghiên cứu khác tập trung chủ yếu vào vấn đề này và trên cỡ mẫu lớn hơn. Nghiên cứu này cũng ghi nhận tỷ lệ sinh viên có điểm trung bình tích lũy ở mức giỏi - khá và điểm tích lũy trung bình có kiến thức đúng về tổn thương do VSN lần lượt là 72,6% và 59,3% ( $p=0,19$ ). Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Thơ (2015), tỷ lệ sinh viên có học lực giỏi - khá có kiến thức đúng chiếm 81,7% cao hơn sinh viên trung bình [6]. Các bạn có học lực giỏi - khá đa số thường xuyên tìm hiểu tài liệu, chăm chỉ học hỏi nên có tỷ lệ kiến thức đúng về tổn thương do VSN là hợp lý.

## V. KẾT LUẬN

Có 69,4% sinh viên có kiến thức đúng về dự phòng tổn thương do VSN trong đó

81,1% có kiến thức chung đúng về tổn thương, 90,1% có kiến thức đúng về dự phòng tổn thương, 34,2% có kiến thức đúng về xử trí sau tổn thương. Chưa ghi nhận các yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê với kiến thức phòng ngừa tổn thương do VSN của sinh viên Điều dưỡng. Do đó, cần thực hiện các nghiên cứu khác với cỡ mẫu lớn hơn để khẳng định sự khác biệt giữa các yếu tố đến kiến thức của sinh viên để đề xuất các biện pháp cải thiện phù hợp nhất.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Phương Anh, Nguyễn Hải Lâm, Phạm Thị Thu (2020), "Thực trạng kiến thức dự phòng tổn thương do VSN của sinh viên Điều dưỡng trường Đại học điều dưỡng Nam Định", *Tạp chí Khoa học Điều dưỡng*, 3 (2), tr.93-100.
2. Bộ Y tế (2012), "Hướng dẫn tiêm an toàn trong các cơ sở khám chữa bệnh",
3. Nguyễn Thị Hà (2019), Kiến thức, thái độ về phòng và xử trí phơi nhiễm với vật sắc nhọn trong tiêm truyền của sinh viên Điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nội, trường Đại học Y Hà Nội, Luận văn Thạc sĩ Điều dưỡng.
4. My Thị Hải (2016), "Khảo sát vết thương do dụng cụ y tế sắc nhọn gây ra cho sinh viên điều dưỡng thực tập tại bệnh viện Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh", *Đại học Y Dược Hồ Chí Minh*, tr.35-36.
5. Nguyễn Thị Bích Ngọc, Tống Vĩnh Phúc (2014), "Khảo sát tổn thương nghề nghiệp do vật sắc nhọn và quy trình xử trí ban đầu của nhân viên y tế tại các bệnh viện trong khu vực thành phố Nam Định", *Kỷ yếu hội nghị Khoa học Công nghệ tuổi trẻ các trường Đại học, Cao Đẳng* tr.984-989.
6. Nguyễn Thị Mai Thơ & Nguyễn Cảnh Phú (2015), "Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến chấn thương do VSN trong thực tập lâm sàng của sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y khoa Vinh", *Kỷ yếu Hội nghị khoa học – công nghệ tuổi trẻ các trường đại học, cao đẳng Y – dược Việt Nam lần thứ XVIII, 2016*, tr.399-402.
7. Mariusz Goniewicz, Anna Włoszczak-Szubzda, Marcin Niemcewicz, Magdalena Witt, Anna Marciniak-Niemcewicz & Mirosław Jerzy Jarosz (2012), "Injuries caused by sharp instruments among healthcare workers--international and Polish perspectives", *Ann Agric Environ Med*, 19 (3), tr.523-7.
8. Hani A Nawafleh, Shalabia El-Sayead Abozead, Muwafaq Al-Momani & Heyam Aaraj (2018), "Investigating needle stick injuries: Incidence, knowledge and perception among South Jordanian nursing students", *Journal of Nursing Education and Practice*, 8 (4), pp.59-69.
9. Elisabetta Rapiti, Annette Prüss-Üstün & Yvan Hutin (2005), *Sharps injuries: Assessing the burden of disease from sharps injuries to health-care workers at national and local levels* Geneva, World Health Organization.
10. Rami Saadeh, Khaled Khairallah, Hussein Abozeid, Lama Al Rashdan, Mahmoud Alfaqih & Obaidallah Alkhatatbeh (2020), "Needle Stick and Sharp Injuries Among Healthcare Workers: A retrospective six-year study", *Sultan Qaboos University Medicine Journal*, 20 (1), pp.e54-e62.
11. Mohammad Suliman, Mohammad Al Qadire, Manar Alazzam & Sami Aloush (2018), "Students nurses' knowledge and prevalence of Needle Stick Injury in Jordan", *Nurse Education Today*, 60, pp.23-27.
12. Ya - Hui Yang, Saou - Hsing Liou, Chiou - Jong Chen, Chun - Yuh Yang, Chao - Ling Wang, Chiu - Ying Chen & Trong - Neng Wu (2007), "Needlestick/sharps injuries among vocational school nursing students in southern Taiwan", *American Journal of Infection Control*, 32 (8), pp.431-435.

(Ngày nhận bài: 22/6/2021 - Ngày duyệt đăng: 10/10/2021)

---